UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 72 /KH-UBND	*Lạng Sơn, ngày 27 tháng 3 năm 2023*

KẾ HOẠCH
Thực hiện Chương trình "Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2022 - 2030"

Thực hiện Quyết định số 1609/QĐ-TTg ngày 26/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình "Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn giai đoạn 2022 - 2030"; tiếp tục thực hiện Đề án phát triển giáo dục Mầm Non giai đoạn 2018 - 2025 theo Quyết định số 1677/QĐ-TTg ngày 03/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ; Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Lạng Sơn ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình "Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2022 - 2030" *(sau đây gọi tắt là Chương trình)*, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Củng cố, phát triển cơ sở vật chất, trường, lớp mầm non phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, đáp ứng nhu cầu đến trường của trẻ em, đặc biệt đối với vùng khó khăn theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa.

Tổ chức thực hiện có chất lượng, hiệu quả Kế hoạch theo đúng mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình. Ưu tiên đầu tư phát triển Giáo dục Mầm non (GDMN) ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Tăng cơ hội của trẻ em được tiếp cận GDMN có chất lượng, trên cơ sở phấn đấu bảo đảm các điều kiện về đội ngũ giáo viên, nhân viên cơ sở vật chất trường, lớp học. Bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục, nhằm rút ngắn khoảng cách phát triển GDMN giữa vùng thuận lợi và vùng khó khăn; góp phần xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế, xã hội; bảo tồn và phát huy bền vững các giá trị văn hóa cho các vùng có nhiều dân tộc thiểu số (DTTS) sinh sống.

2. Yêu cầu

Các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch chi tiết, triển khai, chỉ đạo, tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát và đánh giá việc thực hiện theo Quyết định số 1609/QĐ-TTg ngày 26/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Kế hoạch phải đảm bảo hiệu quả, thiết thực, huy động các nguồn lực cùng tham gia thực hiện.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Hỗ trợ phát triển GDMN vùng khó khăn. Tăng cơ hội của trẻ em được tiếp cận GDMN có chất lượng, trên cơ sở phấn đấu bảo đảm các điều kiện về đội ngũ giáo viên, nhân viên, cơ sở vật chất trường, lớp học. Bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục, góp phần rút ngắn khoảng cách phát triển giữa các vùng

của các địa phương; góp phần xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế, xã hội; bảo tồn và phát huy bền vững các giá trị văn hóa cho vùng có nhiều đồng bào DTTS sinh sống.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đối với trẻ em

Phát triển trường, nhóm, lớp mầm non, đảm bảo tỷ lệ huy động trẻ ra nhóm, lớp theo mục tiêu Kế hoạch thực hiện Chương trình. Phấn đấu đến năm 2025, có ít nhất 45% trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ và trên 96% trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo vùng khó khăn được đến cơ sở GDMN, trong đó có 100% trẻ em trong các cơ sở GDMN được tập trung tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ phù hợp theo độ tuổi; 100% các huyện, thành phố có mô hình về tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ.

Đến năm 2030, có ít nhất 50% trở lên trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ và 99% trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo vùng khó khăn được đến cơ sở GDMN, trong đó có 100% trẻ em trong các cơ sở GDMN được tập trung tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ phù hợp theo độ tuổi; 100% các huyện, thành phố triển khai nhân rộng mô hình tăng cường tiếng Việt cho trẻ em người DTTS trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ.

Hằng năm, 100% trẻ em trong các cơ sở GDMN vùng khó khăn được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo chương trình GDMN phù hợp với điều kiện địa phương và đặc điểm riêng của trẻ.

2.2. Đối với giáo viên

Đến năm 2025: Bồi dưỡng 48% giáo viên biết sử dụng tiếng mẹ đẻ của trẻ; 80% trở lên cán bộ quản lý, giáo viên (CBQL,GV) mầm non dạy vùng DTTS được bồi dưỡng về kiến thức, kỹ năng, phương pháp, cách thức tổ chức hoạt động tăng cường tiếng Việt; tự bồi dưỡng tiếng DTTS tại địa phương để giao tiếp, thực hiện giáo dục song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ phù hợp với điều kiện thực tế địa phương.

Đến năm 2030: Bồi dưỡng 65% trở lên giáo viên biết sử dụng tiếng mẹ đẻ của trẻ; phấn đấu bảo đảm đủ định mức giáo viên/nhóm, lớp và nhân viên theo quy định. 95% trở lên CBQL, GV mầm non dạy vùng DTTS được bồi dưỡng về kiến thức, kỹ năng, phương pháp, cách thức tổ chức hoạt động tăng cường tiếng Việt; tự bồi dưỡng tiếng DTTS tại địa phương để giao tiếp, thực hiện giáo dục song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ phù hợp với điều kiện thực tế địa phương.

2.3. Đối với cơ sở giáo dục mầm non

Đến năm 2030: Phấn đấu xóa bỏ phòng học nhờ, phòng học tạm; xây mới trường học theo dự báo quy hoạch mạng lưới trường lớp mầm non của các huyện, thành phố; cân đối kinh phí hằng năm theo các chương trình mục tiêu để xây dựng và sửa chữa nhà công vụ cho giáo viên; bổ sung đủ bộ đồ chơi ngoài trời, bộ đồ chơi trong lớp cho trường học mới và phòng học mới do tăng quy mô.

(Thống kê thực trạng tại biểu 1,2,3,4 kèm theo)

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường công tác quản lý và chỉ đạo phát triển GDMN vùng khó khăn

- Tiếp tục triển khai, quán triệt đầy đủ văn bản chỉ đạo của các cấp về Kế hoạch thực hiện Chương trình "Hỗ trợ phát triển giáo dục vùng khó khăn giai đoạn 2022 - 2030". Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền; tiếp tục thực hiện tốt công tác phối hợp giữa các sở, ban, ngành, đoàn thể trong việc thực hiện kế hoạch. Cân đối, bố trí, lồng ghép các nguồn lực để thực hiện kế hoạch theo hướng tranh thủ các nguồn kinh phí, tận dụng các điều kiện hiện có ở địa phương.

- Chỉ đạo ngành Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) tiếp tục phát huy kinh nghiệm, hiệu quả và tính chủ động trong triển khai thực hiện Chương trình, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho trẻ em vùng khó khăn và kết quả tăng cường tiếng Việt vùng DTTS; xây dựng kế hoạch thực hiện Chương lồng ghép trong kế hoạch nhiệm vụ năm học và kế hoạch giáo dục đảm bảo bám sát mục tiêu, xác định các giải pháp phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương và khả năng nhận thức của trẻ.

- Tăng cường chỉ đạo, phối hợp giữa cấp học mầm non với cấp tiểu học trong việc huy động trẻ trong độ tuổi nhà trẻ, mẫu giáo ra lớp; tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi, hướng tới phổ cập giáo dục cho trẻ em mẫu giáo đến năm 2030; đặc biệt, quan tâm và tạo cơ hội cho trẻ mẫu giáo 5 tuổi ra lớp được làm quen thường xuyên với môi trường Tiếng Việt. Tổ chức các hoạt động cho trẻ thăm quan trường, lớp tiểu học, đảm bảo kiến thức, kỹ năng và chuẩn bị tâm thế khi trẻ vào học lớp một phổ thông.

2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển GDMN vùng khó khăn

- Chỉ đạo Sở GDĐT chủ trì, phối hợp với các Sở: Tài chính, Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan thực hiện rà soát, nghiên cứu đề xuất chính sách hỗ trợ ăn trưa, miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ em độ tuổi nhà trẻ *(trẻ em dưới 3 tuổi)* vùng khó khăn trên địa bàn toàn tỉnh.

- Thực hiện bảo đảm định mức giáo viên/nhóm, lớp theo quy định đối với vùng khó khăn, ưu tiên đối với giáo viên dạy nhóm, lớp tại điểm lẻ ở các vùng đồng bào DTTS; thực hiện hợp đồng lao động đối với nhân viên nấu ăn, bảo đảm số lượng theo quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở GDMN công lập.

- Tiếp tục thực hiện đúng, đủ chính sách đối với đội ngũ giáo viên vùng khó khăn, nhất là đội ngũ trực tiếp dạy trẻ em người DTTS theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non. Thu hút, động viên giáo viên công tác lâu dài ở vùng khó khăn; ưu tiên sử dụng đội ngũ giáo viên là người địa phương dạy trẻ em người DTTS vùng khó khăn.

- Hằng năm thực hiện rà soát và có giải pháp đầu tư cơ sở vật chất, trường lớp: ưu tiên đầu tư kinh phí để xóa phòng học nhờ, phòng học tạm; xây dựng

nhà công vụ cho giáo viên; mua sắm, bổ sung trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng nhu cầu phát triển GDMN vùng khó khăn.

3. Tăng cường nâng cao năng lực đội ngũ GV, CBQL trong các cơ sở GDMN vùng khó khăn, bồi dưỡng đội ngũ cộng tác viên hỗ trợ ngôn ngữ

- Tập trung tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ CBQL, GV dạy trẻ em vùng khó khăn về: Công tác quản lý, triển khai chương trình GDMN, phù hợp với đặc điểm trẻ em vùng khó khăn, nghiệp vụ, kỹ năng dạy học lớp ghép tại điểm trường lẻ và phương pháp, kỹ năng thực hiện giáo dục song ngữ, tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ em người DTTS; đặc biệt quan tâm trẻ em nhà trẻ, trẻ mẫu giáo bé mới ra lớp. Tổ chức tham quan, học tập kinh nghiệm các mô hình điểm.

- Tiếp tục quan tâm triển khai, thực hiện công tác bồi dưỡng tiếng dân tộc cho giáo viên dạy trẻ em người DTTS. Chỉ đạo, hướng dẫn CBQL, GV mầm non tăng cường công tác tự học, tự bồi dưỡng, tham gia các lớp học tiếng dân tộc, nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục; tăng cường đồng bộ nhiều giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục, đặc biệt là giáo dục dân tộc; thực hiện dạy học 2 buổi/ngày đảm bảo chất lượng hiệu quả. Đưa nội dung tăng cường tiếng Việt vào kế hoạch giáo dục theo năm học, chủ đề/tháng, tuần, ngày.

- Các địa phương tổ chức bồi dưỡng cho đội ngũ cộng tác viên hỗ trợ ngôn ngữ, thực hiện giáo dục song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ em.

- Quan tâm đưa nội dung tăng cường tiếng Việt cho học sinh người DTTS vào chương trình đào tạo giáo viên mầm non, tiểu học trong trường Cao đẳng Sư phạm của tỉnh.

4. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất

- Bổ sung phòng học còn thiếu đảm bảo đúng quy định cho GDMN; hằng năm, có kế hoạch, lộ trình, giải pháp xây dựng, sửa chữa nhà công vụ cho giáo viên; xóa phòng học nhờ, phòng học tạm; mua sắm bổ sung bộ đồ chơi ngoài trời, bộ đồ chơi trong lớp, đồ dùng học tập tại vùng khó khăn đáp ứng nhu cầu tới trường, lớp của trẻ em; tiếp tục bổ sung tài liệu, học liệu phục vụ việc tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ.

- Tiếp tục rà soát, bổ sung, thay thế đồ dùng, đồ chơi trong và ngoài lớp học, xây dựng mô hình môi trường giáo dục đậm đà văn hóa, bản sắc dân tộc, phát huy ưu thế ở mỗi địa phương để xây dựng môi trường, cảnh quan phù hợp với trẻ và văn hóa riêng của mỗi cơ sở; tạo dựng và nhân rộng mô hình điểm làm nơi tập huấn, chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm về chuyên môn, nghiệp vụ cho GDMN vùng khó khăn.

5. Triển khai chương trình GDMN phù hợp với vùng khó khăn, phù hợp với đặc điểm văn hóa, ngôn ngữ mẹ đẻ của trẻ em

- Tiếp tục triển khai, chỉ đạo và tổ chức thực hiện chương trình GDMN phù hợp với văn hóa và điều kiện bối cảnh địa phương, đặc điểm của trẻ em

người DTTS. Đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt GDMN phù hợp với vùng khó khăn.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng và chia sẻ tài liệu, học liệu thân thiện, phù hợp với trẻ em tại các cơ sở GDMN vùng khó khăn; tăng cường tập huấn, bồi dưỡng việc thực hiện chương trình và phương pháp giáo dục phù hợp với đội ngũ giáo viên trực tiếp dạy trẻ em người DTTS.

- Tăng cường chuẩn bị tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ em và bảo đảm duy trì môi trường tiếng Việt trong các cơ sở GDMN có trẻ em người DTTS; quan tâm đến đối tượng trẻ nhà trẻ, trẻ mẫu giáo mới ra lớp chưa nói được tiếng Việt.

6. Huy động các nguồn lực phát triển GDMN vùng khó khăn

6.1. Huy động nguồn lực xã hội và cộng đồng

- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, tăng cường hợp tác quốc tế nhằm huy động sự tham gia đóng góp nguồn lực của các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể, các đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, các nguồn vốn hợp pháp khác để hỗ trợ về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi, phát huy sáng kiến của cộng đồng phát triển GDMN vùng khó khăn.

- Huy động cán bộ, chiến sỹ bộ đội biên phòng tham gia dạy tiếng Việt cho cha, mẹ và người chăm sóc trẻ em là người DTTS; động viên, khuyến khích cán bộ hưu trí, các hội viên, đoàn viên của các tổ chức đoàn thể, nhất là Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Khuyến học tham gia hỗ trợ tăng cường tiếng Việt cho cha, mẹ và các hoạt động thiết thực khác cho trẻ em người DTTS.

6.2. Tăng cường công tác phối hợp liên ngành

- Tăng cường công tác phối hợp, huy động sức mạnh, phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị; các ban, ngành có liên quan, đặc biệt là vai trò của các Ban dân tộc, các tổ chức Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong hỗ trợ phát triển GDMN vùng khó khăn; nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em ở gia đình và cộng đồng.

- Thực hiện lồng ghép triển khai các nhiệm vụ giải pháp của Chương trình này với Kế hoạch thực hiện Đề án giai đoạn 2 "Tăng cường chuẩn bị tiếng Việt giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030" trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ và Đề án Vận động nguồn lực xã hội hỗ trợ trẻ em các xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng DTTS và miền núi giai đoạn 2019 - 2025.

7. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về Chương trình

- Đẩy mạnh công tác truyền thông, phổ biến sâu rộng mục đích, ý nghĩa và sự cần thiết về các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Chương trình nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, đội ngũ nhà giáo, các bậc cha mẹ và cộng đồng đối với việc đầu tư, chăm lo phát triển GDMN vùng khó khăn. Tiếp tục tuyên truyền nhiệm vụ tăng cường tiếng Việt cho trẻ em vùng DTTS trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ.

- Tiếp tục thiết kế và triển khai các chuyên mục, chuyên trang trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm hỗ trợ cho các bậc phụ huynh và cộng đồng trong việc tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng DTTS.

- Cơ quan quản lý và các cơ sở GDĐT tiếp tục chủ động phối hợp và làm nòng cốt tuyên truyền, hỗ trợ các bậc cha, mẹ, người chăm sóc trẻ trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ. Biên soạn tài liệu truyền thông, tập huấn về thực hiện Chương trình GDMN phù hợp với đặc điểm địa phương; lựa chọn tài liệu, bồi dưỡng tiếng Việt cho các bậc cha, mẹ là người DTTS, cộng đồng vùng đồng bào DTTS để xây dựng môi trường tiếng Việt tại gia đình và cộng đồng.

- Phối hợp chặt chẽ với các trưởng thôn/bản, người có uy tín trong cộng đồng/địa phương để vận động các gia đình người DTTS tạo điều kiện cho con, em đến trường, lớp mầm non và học 2 buổi/ngày. Đặc biệt, quan tâm trẻ em mẫu giáo 5 tuổi người DTTS chuẩn bị vào lớp 1 phổ thông.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí

- Nguồn chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo; lồng ghép từ nguồn vốn của các chương trình, dự án *(Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế, xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025)* được cấp có thẩm quyền giao trong kế hoạch hằng năm của các địa phương theo phân cấp quản lý hiện hành.

- Nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã được giao và giai đoạn 2026 - 2030 phù hợp khả năng cân đối của ngân sách Nhà nước theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư công.

- Nguồn xã hội hóa giáo dục và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

2. Việc lập và triển khai thực hiện kế hoạch tài chính cho các nhiệm vụ của Chương trình thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định hiện hành về kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch tài chính trung hạn của Nhà nước.

Tổng kinh phí dự kiến: 125.143,44 triệu đồng

Trong đó:

- Kinh phí xây dựng phòng học: 70.089 triệu đồng

- Kinh phí xây nhà công vụ cho giáo viên: 7.953 triệu đồng

- Kinh phí trang bị, bộ đồ chơi ngoài trời: 22.019,44 triệu đồng

- Kinh phí trang bị đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học: 24.406,78 triệu đồng.

- Kinh phí tổ chức các lớp bồi dưỡng đội ngũ, kiểm tra giám sát: 675,22 triệu đồng.

(*Nhu cầu thiết bị và kinh phí theo Biểu 5, 6,7,8,9 đính kèm*)

3. Cơ cấu vốn đầu tư

3.1. Giai đoạn 2023-2025

- Đầu tư phòng học, phòng công vụ giáo viên

+ Nguồn ngân sách trung ương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 (dự án 4 và dự án 5) là 14.526,6 triệu đồng, trong đó:

Nguồn ngân sách trung ương là: 14.388,84 triệu đồng.

Nguồn ngân sách huyện là: 137,76 triệu đồng.

+ Nguồn vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 là 9.625,8 triệu đồng (tổng hợp từ nghị quyết của hội đồng nhân dân các huyện, thành phố), trong đó:

Nguồn ngân sách trung ương là: 6.483,84 triệu đồng;

Nguồn ngân sách tỉnh là: 1.712,71 triệu đồng;

Nguồn ngân sách huyện là: 1.429,24 triệu đồng.

+ Nguồn vốn đầu tư công trung hạn của các huyện, thành phố (tổng hợp từ Nghị quyết đầu tư công trung hạn của các huyện, thành phố) là: 6.894 triệu đồng.

- Cơ cấu vốn đầu tư thiết bị dạy học: Sử dụng nguồn vốn ngân sách cân đối cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

Nhu cầu kinh phí đầu tư trang thiết bị là 26.895,23 triệu đồng

3.2. Giai đoạn 2026-2030

Đầu tư phòng học, phòng công vụ giáo viên tổng kinh phí 46.996 triệu đồng. Đầu tư trang thiết bị dạy học tối thiểu và đồ chơi ngoài trời tổng kinh phí 16.340,85 triệu đồng. Căn cứ tình hình thực tế sẽ xây dựng cơ cấu nguồn vốn theo quy định pháp luật.

4. Phân kỳ đầu tư

4.1 Giai đoạn 2023-2025

- Năm 2023:

Đầu tư xây dựng phòng học và nhà công vụ. Dự kiến tổng kinh phí: 18.536 triệu đồng

Đầu tư mua sắm trang thiết bị dạy học tối thiểu và đồ chơi ngoài trời. Dự kiến tổng kinh phí: 14.535,85 triệu đồng

- Năm 2024

Đầu tư xây dựng phòng học và nhà công vụ. Dự kiến tổng kinh phí: 2.876,4 triệu đồng

Đầu tư mua sắm trang thiết bị dạy học tối thiểu và đồ chơi ngoài trời. Dự kiến tổng kinh phí: 6.501,99 triệu đồng

- Năm 2025

Đầu tư xây dựng phòng học và nhà công vụ. Dự kiến tổng kinh phí:

9633,6 triệu đồng

Đầu tư mua sắm trang thiết bị dạy học tối thiểu và đồ chơi ngoài trời. Dự kiến tổng kinh phí: 5.857,42 triệu đồng

- Giai đoạn 2026-2030

Trên cơ sở đánh giá kế hoạch giai đoạn 2023-2025, rà soát quy mô giáo dục và tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn xây dựng phân bổ nguồn vốn đảm bảo thực hiện mục tiêu kế hoạch đề ra.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành của tỉnh, UBND các huyện/thành phố xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện những nhiệm vụ của Chương trình. Định kỳ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ GDĐT theo quy định.

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Ban Dân tộc tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn sử dụng, ưu tiên nguồn vốn thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia để thực hiện Chương trình.

Tổ chức biên soạn, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho CBQL, GV thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em người DTTS về công tác quản lý, phát triển chương trình giáo dục nhà trường; đổi mới nội dung, phương pháp thực hiện chương trình GDMN phù hợp với đặc điểm trẻ em vùng khó khăn; phương pháp, kỹ năng thực hiện giáo dục song ngữ, tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ phù hợp với đối tượng trẻ em người DTTS.

Chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch, chương trình triển khai bồi dưỡng tiếng dân tộc cho giáo viên trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em người DTTS.

Hỗ trợ xây dựng và tiếp tục triển khai, chỉ đạo thực hiện mô hình điểm về tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ cho trẻ em người DTTS.

2. Ban Dân tộc tỉnh

Phối hợp với Sở GDĐT, các sở, ngành liên quan, các địa phương tăng cường công tác truyền thông nâng cao nhận thức về phát triển GDMN, tăng cường tiếng Việt đối với trẻ mầm non dân tộc thiểu số trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ.

Phối hợp tham mưu UBND tỉnh cơ chế, chính sách đặc thù về phát triển GDMN đối với trẻ em người dân tộc thiểu số để bảo đảm các mục tiêu của Kế hoạch; kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện trên địa bàn vùng dân tộc và miền núi.

Chủ trì, phối hợp với Sở GDĐT nghiên cứu, đề xuất cụ thể hóa các nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế, xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 vào việc triển khai thực hiện nhiệm vụ, giải pháp để đạt được các mục tiêu của Chương trình.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với Sở GDĐT nghiên cứu, đề xuất cụ thể hóa các nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 vào việc triển khai thực hiện nhiệm vụ, giải pháp để đạt được các mục tiêu của Chương trình.

Phối hợp với Sở GDĐT, các cơ quan liên quan tăng cường công tác tuyên truyền, vận động xã hội và nâng cao năng lực để thực hiện Chương trình; bảo đảm việc thực hiện quyền trẻ em tại vùng khó khăn theo chức năng quản lý được giao.

Phối hợp với Sở GDĐT chỉ đạo, giám sát việc thực hiện các chính sách có liên quan đối với giáo viên và trẻ em mầm non vùng khó khăn theo chức năng quản lý được giao.

4. Sở Xây dựng: Phối hợp với Sở GDĐT trên cơ sở các quy định hiện hành của Nhà nước về cơ sở vật chất, trường, lớp mầm non để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về xây dựng hệ thống trường, lớp, phòng học, phòng chức năng, phòng công vụ, các công trình phụ trợ khác phù hợp với yêu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì, phối hợp với Sở GDĐT nghiên cứu, đề xuất cụ thể hóa các nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 vào việc triển khai thực hiện nhiệm vụ, giải pháp để đạt được các mục tiêu của Chương trình.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì tổng hợp, trình UBND tỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 và hằng năm thực hiện các nhiệm vụ, dự án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về đầu tư công và ngân sách Nhà nước để triển khai thực hiện Chương trình.

Tổng hợp nhu cầu vốn đầu tư phát theo giai đoạn 5 năm và hằng năm trên cơ sở đề xuất của Sở Giáo dục và Đào tạo, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí vốn thực hiện hiện Chương trình "Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn giai đoạn theo quy định của Luật Đầu tư công (thực hiện từ năm 2023 và các năm tiếp theo).

7. Sở Tài chính: Căn cứ khả năng nguồn ngân sách, tham mưu trình UBND tỉnh bố trí kinh phí triển khai thực hiện các hoạt động Chương trình theo phân cấp ngân sách nhà nước. Kiểm tra việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật hiện hành.

8. Sở Nội vụ: Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị tổ chức tuyển dụng viên chức; phối hợp các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức quản lý, viên chức giảng dạy đáp ứng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp theo quy định; tăng cường công tác kiểm tra công tác tuyển dụng, sử dụng, việc thực hiện chế độ, chính sách đối với đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý GDMN vùng khó khăn".

9. Sở Thông tin và Truyền thông: Chủ trì công tác tuyên truyền, phổ biến về mục đích, ý nghĩa và sự cần thiết của Chương trình nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, các bậc cha, mẹ,

người chăm sóc trẻ, GV, CBQL giáo dục và cộng đồng đối với việc đầu tư, chăm lo phát triển GDMN vùng khó khăn.

10. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh: Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức của cộng đồng về mục tiêu, ý nghĩa của Kế hoạch thực hiện Chương trình Hỗ trợ GDMN vùng khó khăn. Thiết kế và triển khai các chuyên mục, chuyên trang trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm hỗ trợ cho các bậc phụ huynh và cộng đồng về nội dung hỗ trợ phát triển GDMN vùng khó khăn.

11. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Hội Khuyến học tỉnh: Tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa của chương trình, đồng thời huy động cán bộ, chiến sỹ, hội viên, đoàn viên tham gia dạy tiếng Việt và các hoạt động hỗ trợ tăng cường tiếng Việt cho cha, mẹ và trẻ em người DTTS, đặc biệt ở khu vực biên giới gắn với hỗ trợ thực hiện xóa mù chữ, chống tái mù chữ và xây dựng xã hội học tập.

12. UBND các huyện, thành phố

Chịu trách nhiệm toàn diện về thực hiện Kế hoạch trên địa bàn theo phân cấp quản lý, cụ thể:

a) Xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch để chỉ đạo, triển khai thực hiện tại địa phương, báo cáo về Sở GDĐT để tổng hợp báo cáo Bộ GDĐT theo yêu cầu.

b) Tập trung rà soát, bổ sung quy hoạch mạng lưới, xây dựng các cơ sở GDMN; rà soát, sắp xếp các điểm trường theo hướng thu gọn đầu mối đảm bảo thuận lợi cho huy động trẻ mầm non đến trường cho từng giai đoạn trên địa bàn, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.

c) Thực hiện đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi phục vụ việc triển khai chương trình GDMN; Có chính sách ưu đãi nhằm phát triển GDMN trên địa bàn; bảo đảm bố trí ngân sách chi cho GDMN theo đúng quy định hiện hành; Rà soát, cân đối nguồn kinh phí triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình, hằng năm có kế hoạch xây dựng nhà công vụ cho giáo viên, xóa phòng học nhờ, phòng học tạm, bổ sung số phòng học còn thiếu, phòng học mới do tăng quy mô cho vùng khó khăn theo Luật Đầu tư công và các quy định khác của pháp luật. Quan tâm, ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phù hợp với tình hình thực tế của các trường mầm non vùng khó khăn.

d) Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo về số lượng và chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới GDMN; rà soát và thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ ở các loại hình cơ sở GDMN. Phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh về bố trí đủ định mức giáo viên mầm non trong các cơ sở GDMN công lập theo quy định, đặc biệt bố trí, sắp xếp đội ngũ CBQL, GV và nhân viên cho các cơ sở GDMN vùng khó khăn ở địa phương bảo đảm thực hiện mục tiêu Chương trình.

Xây dựng kế hoạch, chương trình triển khai bồi dưỡng tiếng dân tộc cho giáo viên trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em người DTTS. Hỗ trợ giáo viên dạy trẻ em người DTTS học tiếng dân tộc tại địa phương nơi giáo viên công tác.

đ) Chỉ đạo các cơ sở GDMN công lập xây dựng, hoàn thiện đề án vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

e) Thực thi đầy đủ và có hiệu quả cơ chế, chính sách khuyến khích xã hội hóa GDMN; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về các thủ tục để các nhà đầu tư tham gia phát triển trường, lớp mầm non; đẩy mạnh xã hội hóa, xây dựng cơ chế, chính sách xã hội hóa đặc thù của địa phương để phát triển GDMN; từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất trường, lớp, trang thiết bị đồ dùng đồ chơi, học liệu trong các cơ sở GDMN vùng khó khăn, đặc biệt tại các nhóm, lớp, các điểm lẻ để nâng cao chất lượng giáo dục địa phương.

g) Tổ chức kiểm tra, thường xuyên đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch hàng năm, giai đoạn, tổ chức sơ kết, tổng kết; định kỳ tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền.

Đề nghị các tổ chức chính trị xã hội và các tổ chức xã hội, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, tham gia tổ chức triển khai Chương trình; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức đầu tư, chăm lo, hỗ trợ phát triển GDMN vùng khó khăn.

UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành của tỉnh; UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức chỉ đạo, triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch thực hiện Chương trình này./.

Nơi nhận:
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành: GD&ĐT, KH&ĐT, TC, NV, TT&TT, XD, LĐ-TT&XH, NN&PTNT, Ban DT, BCH BĐBP tỉnh, Đài PT&TH tỉnh;
- Tỉnh Đoàn, Hội LHPN tỉnh, Hội Khuyến học tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- C,PVP UBND tỉnh, các phòng CM, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KGVX (NTH)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Dương Xuân Huyên